TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 tranh chấp về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị T, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3 (cũ là thôn 5), xã H, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn 13, B, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 3 (cũ là thôn 5), xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đồng Thị T (nguyên đơn) khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T,

thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 24 tháng 12 năm 2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Hoa Động sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị Đồng Thị T khai chị và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn Thảo H sinh ngày 12 tháng 11 năm 2008 và Nguyễn Thu H sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011. Hiện hai con chung vẫn đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Đồng Thị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Thảo H và Nguyễn Thu H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q tự thỏa thuận và giao nhận với nhau nên chị Đồng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đồng Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn Q cũng như đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà án để làm việc, nhưng Anh Q đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật

Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với Anh Q. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thảo H sinh ngày 12 tháng 11 năm 2008 và Nguyễn Thu H sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011 cho chị Tâm được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại thôn 3 (cũ là thôn 5), xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là chị Đồng Thị T và bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và Anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình giải nhưng không có kết quả nên chị T đã đưa 02 con chung về nhà mẹ đẻ tại thôn 13 Bính Động, xã Hoa Động sinh sống từ đó cho đến nay; hai bên không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa chị T và Anh Q phát sinh kéo dài; mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân

giữa chị T và Anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn Thảo Hiền sinh ngày 12 tháng 11 năm 2008 và Nguyễn Thu Huyền sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện từ khi sống ly thân chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và vẫn bảo đảm tốt về mọi mặt. Các cháu Nguyễn Thảo H và Nguyễn Thu H đều là con gái, cần có sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời cả hai cháu Hiền, Huyền đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cả hai con chung Nguyễn Thảo H và Nguyễn Thu H cho chị Đồng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đồng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị Đồng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Đồng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thảo H sinh ngày 12 tháng 11 năm 2008 và Nguyễn Thu H sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011 cho chị Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008838 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Đồng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- UBND xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 24/12/2007);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Khoa **Đỗ Văn Mạnh** **Lương Ngọc Dũng**